

Số: 03/BC-MNNQ

Ngô Quyền, ngày 05 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Các hoạt động của nhà trường
năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường Mầm non Ngô Quyền Báo cáo về các hoạt động của nhà trường năm học 2024 – 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có)

Trường Mầm non Ngô Quyền

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục:
Thôn Vũ Xá – Xã Ngô Quyền – Huyện Thanh Miện – Tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 0394169623

- Địa chỉ thư điện tử: mnngoquyen.moet.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

Trường Mầm non Ngô Quyền

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường mầm non công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và đại diện chủ sở hữu.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Thanh Miện

Phòng giáo dục và đào tạo giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chuyên môn như nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đối với nhà trường.

4. Sử mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sử mạng:

Nhà trường tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 13 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

Tầm nhìn: Với các yêu cầu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, nhà trường luôn xác định; sự nghiệp đổi mới của đất nước với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí,

đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài góp phần vào việc xây dựng nền kinh tế tri thức và Giáo dục mầm non chính là nền tảng đầu tiên của một xã hội phát triển trong tương lai. Chính vì vậy, nhà trường cần phải tự khẳng định được chất lượng giáo dục để không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Xác định trường Mầm non Ngô Quyền đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của trường, duy trì và tiếp tục nâng cấp các hạng mục Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Mục tiêu: Với quan điểm chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh là nhiệm vụ hàng đầu, nhà trường tiếp tục cải tiến công tác chỉ đạo. Đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, tiếp tục bồi dưỡng năng lực phẩm chất chính trị, chuyên môn cho giáo viên. Xây dựng môi trường giáo dục của nhà trường trở thành môi trường sư phạm thân thiện, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và vui chơi, rèn luyện thể chất, thực hiện tốt việc gắn kết giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội để giáo dục học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện một cách thực chất và hiệu quả.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Ngô Quyền được thành lập từ năm 1982 với tên gọi là Trường Mầm non Bán công xã Ngô Quyền với các điểm lẻ nằm rải rác ở 6 thôn trong toàn xã; Qua quá trình phát triển đến năm 2008 trường được đổi tên thành trường Mầm non xã Ngô Quyền theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2008 của UBND huyện Thanh Miện. Đến năm 2012 trường được chuyển đổi từ trường mầm non bán công Ngô Quyền sang trường công lập theo Quyết định số: 947/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 và được lấy tên là Trường Mầm non Ngô Quyền đến nay.

Năm 2013 được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền; trường được xây dựng về 1 khu tập trung tại thôn Vũ Xá.

Năm 2015 Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

Năm 2017 Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Năm 2023 Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 sau 5 năm và đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Trường là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ trường mầm non.

Hiện tại nhà trường có 41 cán bộ giáo viên nhân viên và 16 nhóm, lớp các lứa tuổi từ 13 tháng đến 6 tuổi.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Họ và tên: Trần Thu Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xã Ngô Quyền; Huyện Thanh Miện; Tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0394169623

Địa chỉ thư điện tử: thuhuong623@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường mầm non bán công Ngô Quyền được chuyển đổi sang trường công lập theo Quyết định số: 947/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 và được lấy tên là Trường Mầm non Ngô Quyền đến nay.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 39/QĐ-GDDT ngày 31/10/2021 Quyết định về việc thành lập Hội đồng trường, trường Mầm non Ngô Quyền nhiệm kỳ 2021 – 2025.

Danh sách Hội đồng trường nhiệm kì 2021-2026:

1. Bà: Trần Thu Hương – Bí thư chi bộ; Hiệu trưởng- Chủ tịch Hội đồng.
2. Bà: Lê Thị Lệ - Bí thư chi đoàn – Thư ký Hội đồng.
3. Ông: Nguyễn Thế Đạo – Phó Chủ tịch UBND xã Ngô Quyền – Thành viên.
4. Bà: Nguyễn Thị Hạnh – Phó bí thư chi bộ; phó hiệu trưởng – Thành viên
5. Bà: Hoàng Thị Huyền – Chi ủy viên; phó hiệu trưởng – Thành viên.
6. Bà: Trịnh Thị Hằng – Chủ tịch CDCS; Tổ trưởng tổ Mẫu giáo 5 Tuổi – Thành viên.
7. Bà: Trần Thị Hoan – Ban TTND; tổ trưởng tổ Mẫu giáo 3+4 Tuổi – Thành viên.
8. Bà: Trần Thị Thanh Thủy – Tổ trưởng tổ Nhà trẻ + Nuôi dưỡng – Thành viên.
9. Bà: Nguyễn Thị Nguyệt – Tổ trưởng tổ văn phòng – Thành viên.
10. Bà: Phạm Thị Lương – Tổ phó tổ Mẫu giáo 3+4 Tuổi – Thành viên.
11. Bà: Nguyễn Thị Hoa – Đại diện Hội cha mẹ trẻ - Thành viên.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 Quyết định về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non Ngô Quyền đối với Bà: Trần Thu Hương.

- Quyết định số 411 /QĐ-UBND ngày 31/01/2020 Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý khối trường học đối với bà: Hoàng Thị Huyền

- Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý khối trường học đối với bà: Vũ Thị Thu Mai

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

(Có quy chế kèm theo)

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

* Họ và tên: Trần Thu Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0394169623

Địa chỉ thư điện tử: thuhuong623@gmail.com

* Vũ Thị Thu Mai

Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Số điện thoại: 0948152946

Địa chỉ thư điện tử: thumai86aht@gmail.com

Địa chỉ thư điện tử:

* Hoàng Thị Huyền

Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Số điện thoại: 0387487297

Địa chỉ thư điện tử: huyenkien74@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Ngô Quyền – Thanh Miện – Hải

Dương (kèm theo Bảng phân công nhiệm vụ)

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Có Kế hoạch PTGD kèm theo.
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: có Quy chế kèm theo
- Các nghị quyết của hội đồng trường: Có Nghị quyết kèm theo

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí);

TT	Nội dung	Thu (đ)	Chi (đ)	Tồn	Ghi chú
I	Năm 2024				
1	Nguồn NSNN	5.346.848.000	5.346.848.000	0	
2	Nguồn học phí	399.990.000	270.694.923	129.295.077	
II	Năm 2025	Dự toán			

1	Nguồn NSNN	6.513.215.000			
2	Nguồn học phí	383.535.000			
	Tổng cộng				

- Các khoản thu khác từ người học năm học 2024-2025;

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025			Ghi chú
		Thu	Chi	Tồn	
	1	2	3	4	5
1	Tiền ăn bán trú	1.276.881.000	1.276.881.000	0	
2	Tiền trực trưa, thuê người nấu	973.350.000	973.350.000	0	
3	Tiền phụ phí, chất đốt	180.250.000	180.250.000	0	
4	Tiền vệ sinh môi trường	109.500.000	109.500.000	0	
5	Tiền đồ dùng bán trú đầu vào	21.000.000	21.000.000	0	
6	Tiền vận động tài trợ	70.700.000	70.700.000	0	
7	Tiền điện chạy điều hòa tại các lớp	3.336.000	3.336.000	0	
8	Tiền bảo hiểm thân thể	66.800.000	66.800.000	0	
TỔNG CỘNG		2.701.817.000	2.701.817.000	0	

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không có

- Nguồn thu khác và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không có

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...).

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, phát triển đội ngũ,...).

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...).

- Chi khác:

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

- Học phí năm 2024

Chỉ tiêu	Nội dung	Dự toán			Thực hiện		
		Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
I	PHÍ						

1	Học phí						
	- Tổng số thu	440.370.000	440.370.000	0	399.990.000	399.990.000	0
	- Số phải nộp NSNN (THCCTL)	176.148.000	176.148.000	0	159.996.000	159.996.000	0
	- Số được khấu trừ hoặc để lại	264.222.000	264.222.000	0	239.994.000	239.994.000	
2	Phí....	0	0	0	0	0	0
II	LỆ PHÍ	0	0	0	0	0	0

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

- Miễn giảm học phí năm học 2024-2025

+ Kỳ 1 năm học 2024-2025

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng miễn/giảm	Số tháng miễn/giảm	Mức thu học phí	Tổng tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kiều Oanh	4TA	Hộ nghèo	4	105.000	420.000	
2	Trần Minh Nhật	4TB	Hộ nghèo	4	105.000	420.000	
3	Đàm Đình Duy	4TB	Hộ nghèo	4	105.000	420.000	
4	Nguyễn Văn Tài	3TB	Hộ nghèo	4	105.000	420.000	
5	Nguyễn Anh Đức	4TA	Cận nghèo	4	52.500	210.000	
6	Nguyễn Anh Dũng	4TA	Cận nghèo	4	52.500	210.000	
7	Vũ Văn Bình	4TC	Cận nghèo	4	52.500	210.000	
8	Nguyễn Quỳnh Hương	3TB	Cận nghèo	4	52.500	210.000	
	Cộng					2.520.000	

+ Kỳ 2 năm học 2024-2025

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng miễn/giảm	Số tháng miễn/giảm	Mức thu học phí	Tổng tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kiều Oanh	4TA	Hộ nghèo	5	105.000	525.000	
2	Trần Minh Nhật	4TB	Hộ nghèo	5	105.000	525.000	
3	Đàm Đình Duy	4TB	Hộ nghèo	5	105.000	525.000	
4	Nguyễn Anh Đức	4TA	Cận nghèo	5	52.500	262.500	
5	Nguyễn Anh Dũng	4TA	Cận nghèo	5	52.500	262.500	
6	Vũ Văn Bình	4TC	Cận nghèo	5	52.500	262.500	
7	Nguyễn Văn Tài	3TB	Cận nghèo	5	52.500	262.500	
	Cộng					2.625.000	

- Hỗ trợ ăn trưa

+ Kỳ 1 năm học 2024-2025

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng miễn/giảm	Số tháng miễn/giảm	Mức hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
1	Vũ Phúc Thịnh	5TA	Khuyết tật	4	160.000	640.000	
2	Nguyễn Thị Kiều Oanh	4TA	Hộ nghèo	4	160.000	640.000	
3	Trần Minh Nhật	4TB	Hộ nghèo	4	160.000	640.000	
4	Đàm Đình Duy	4TB	Hộ nghèo	4	160.000	640.000	
5	Nguyễn Văn Tài	3TB	Hộ nghèo	4	160.000	640.000	
6	Phạm Thu Thảo	5TB	Cận Nghèo	4	160.000	640.000	
7	Vũ Thị Huyền Trâm	5TC	Cận nghèo	4	160.000	640.000	
8	Nguyễn Anh Đức	4TA	Cận nghèo	4	160.000	640.000	
9	Nguyễn Anh Dũng	4TA	Cận nghèo	4	160.000	640.000	
10	Vũ Văn Bình	4TC	Cận nghèo	4	160.000	640.000	
11	Nguyễn Quỳnh Hương	3TB	Cận nghèo	4	160.000	640.000	
	Cộng					7.040.000	

+ Kỳ 2 năm học 2024-2025

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng miễn/giảm	Số tháng miễn/giảm	Mức hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
1	Vũ Phúc Thịnh	5TA	Khuyết tật	5	160.000	800.000	
2	Phạm Thu Thảo	5TB	Hộ nghèo	5	160.000	800.000	
3	Nguyễn Thị Kiều Oanh	4TA	Hộ nghèo	5	160.000	800.000	
4	Trần Minh Nhật	4TB	Hộ nghèo	5	160.000	800.000	
5	Đàm Đình Duy	4TB	Hộ nghèo	5	160.000	800.000	
6	Vũ Thị Huyền Trâm	5TC	Cận nghèo	5	160.000	800.000	
7	Nguyễn Anh Đức	4TA	Cận nghèo	5	160.000	800.000	
8	Nguyễn Anh Dũng	4TA	Cận nghèo	5	160.000	800.000	
9	Vũ Văn Bình	4TC	Cận nghèo	5	160.000	800.000	
10	Nguyễn Văn Tài	3TB	Cận nghèo	5	160.000	800.000	
	Cộng					8.000.000	

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

III. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non.

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên.

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

Stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo		
			Đại học	Cao đẳng	Dưới cao đẳng
I	Giáo viên	34	30	4	0
1	Nhà trẻ	9	8	1	0
2	Mẫu giáo	25	22	3	0
II	Cán bộ quản lý	3	3	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0	0
III	Nhân viên	6	1	0	5
1	Kế toán	1	0	1	0
2	Bảo vệ	1	0	0	1
3	Cô nuôi	4	0	0	4

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Stt	Nội dung	Năm học 2024 - 2025
1	Cán bộ quản lý	
	Số lượng	3
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	
	Số lượng	34

	Tỷ lệ	100
--	-------	-----

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Stt	Nội dung	Năm học 2024 - 2025
1	Cán bộ quản lý	
	Số lượng	3
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	
	Số lượng	34
	Tỷ lệ	100
3	Nhân viên	
	Số lượng	1
	Tỷ lệ	100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất.

Stt	Nội dung	Năm 2024 - 2025	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng (m ²)	5.517	
	Điểm trường	01	
	Diện tích bình quân/trẻ	14,2	
2	Số lượng, hạng mục các khối phòng		
2.1	Phòng hành chính quản trị		
	Phòng hiệu trưởng	01	Đủ
	Phòng phó hiệu trưởng	01	Thiếu 01 phòng
	Văn phòng	01	Đủ

	Phòng dành cho nhân viên	01	Đủ
	Phòng bảo vệ	01	Đủ
	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	01	
	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	01	Đủ
	Phòng cho công tác hành chính, quản trị.	0	Thiếu 01 phòng
2.2	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ		
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	14	Thiếu 02 phòng
	Phòng giáo dục thể chất.	01	Đủ
	Phòng giáo dục nghệ thuật	01	Đủ
	Phòng đa năng	0	Thiếu 01 phòng
	Sân chơi	01	Đủ
2.3	Khối phòng tổ chức ăn		
	Nhà bếp	01	Đảm bảo
	Kho bếp	01	Đảm bảo
2.4	Khối phụ trợ		
	Phòng họp	01	Đảm bảo
	Phòng y tế	01	Đảm bảo
	Nhà kho	01	Đảm bảo
	Sân vườn	01	Đảm bảo

	Cổng, hàng rào	01	Đảm bảo
2.5	Hạ tầng, kỹ thuật		
	Hệ thống cấp nước sạch	01	Đảm bảo
	Hệ thống cấp điện	01	Chưa đảm bảo công suất
	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	01	Chưa đảm bảo theo qui định
	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	01	Đảm bảo
	Khu thu gom rác thải	01	Đảm bảo
3	Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi		
	Đồ dùng đồ chơi theo văn bản hợp nhất số 01/2015 (tính theo đơn vị nhóm lớp)	16	Cơ bản đáp ứng
4	Đồ dùng đồ chơi ngoài trời (Tính bộ liên hoàn)	01	Đảm bảo
5	Thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác		Đảm bảo

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục, cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Trường Mầm non Ngô Quyền tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Nhà trường đã có kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn Quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết

quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

- Năm 2015: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ II

- Năm 2017: Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Hải Dương)

- Năm 2023:

- + Đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 (Quyết định số 677/QĐ-SGDĐT ngày 30/6/2023 của Sở giáo dục và đào tạo)

- + Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 21/07/2023 của UBND tỉnh Hải Dương).

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo.

IV. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học.

- a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh (Kế hoạch số 04/KHTS-MNNQ ngày 08/08/2024).

- b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

- c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội.

- d. Thực đơn hằng ngày của trẻ em (Có văn bản kèm theo).

- a. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học

- b. Tổng số trẻ em học tại trường: 432/16 nhóm, lớp. Bình quân 27 trẻ/nhóm, lớp

- c. Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 432 trẻ

- d. Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 432 trẻ.

- e. Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 432 trẻ.

- f. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi: Đạt phổ cập cho trẻ em 5 tuổi.

g. Số trẻ em khuyết tật: 01 trẻ.

2. Kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường

2.1. Về chăm sóc giáo dục:

- 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn.
- Trẻ được giáo dục đúng theo chương trình GDMN.

2.2. Về thi đua trong năm học

- Nhà trường đã tổ chức tốt các Hội thi, chuyên đề trong năm học.
- Toàn trường có 432 trẻ đạt danh hiệu bé ngoan toàn diện; bé ngoan; bé chăm.
- Có 1 gv nhà trẻ tham gia Hội thi GVG cấp huyện và được công nhận là GV giỏi cấp huyện.
- Có 7 cháu tham gia Hội thi “Bé khỏe, bé khéo” cấp huyện đạt giải 3
- Có 6 sáng kiến được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở.
- Có 1 sáng kiến được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh.
- Có 5 đ/c được công nhận CSTĐ cấp cơ sở.
- Có 3 đ/c được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen có thành tích tiêu biểu trong năm học.
- Có 1 đ/c được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong năm học
- Trường giữ vững trường Đạt chuẩn Quốc gia mức độ I
- Trường được công nhận Tập thể Lao động tiên tiến.

Trên đây là Báo cáo thường niên theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo của trường Mầm non Ngô Quyền năm học 2024 – 2025.

Nơi nhận:

- Bảng tin nhà trường;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, HS công khai.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)



Trần Thu Hương